

## THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA ĐẢNG Ở TỈNH ĐẮK LẮK - THÀNH TỰU VÀ HẠN CHẾ

Văn Nam Thảng

Nghiên cứu sinh, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: vannamthang999@gmail.com

Ngày nhận bài: 16/3/2023; ngày hoàn thành phản biện: 29/3/2023; ngày duyệt đăng: 26/6/2023

### TÓM TẮT

Đắk Lắk là tỉnh có tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm số lượng khá đông và có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trong thời gian qua, từ năm 2003 - khi tách tỉnh đến năm 2022, tỉnh Đắk Lắk đã chú trọng thực hiện có hiệu quả chính sách dân tộc nhằm phát triển kinh tế - xã hội nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn tồn tại những hạn chế cần khắc phục. Để làm rõ thực trạng và đưa ra giải pháp trong thực hiện chính sách dân tộc ở tỉnh Đắk Lắk, nghiên cứu này tập trung giải quyết 3 nội dung: (i) Quá trình thực hiện chính sách dân tộc ở tỉnh Đắk Lắk; (ii) Những kết quả đạt được; (iii) Một số hạn chế trong việc thực hiện chính sách dân tộc tại tỉnh Đắk Lắk.

**Từ khóa:** Chính sách dân tộc, dân tộc thiểu số, tỉnh Đắk Lắk.

### 1. MỞ ĐẦU

Theo số liệu thống kê năm 2019, tổng dân số trên toàn tỉnh Đắk Lắk là 1.869.322 người. Như vậy, Đắk Lắk là tỉnh đông dân nhất khu vực Tây Nguyên và đứng thứ 10 toàn quốc. Sau 10 năm, quy mô dân số của tỉnh tăng thêm 73.733 người với tỷ lệ tăng dân số bình quân năm giai đoạn 2009 - 2019 là 0,75%, giảm mạnh so với 10 năm trước (tỷ lệ tăng dân số bình quân năm giai đoạn 1999 - 2009 là 1,56%/năm). Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk hiện nay có 49 dân tộc đang cư trú, đồng bào các dân tộc thiểu số (DTTS) có 133.091 hộ, chiếm khoảng 35,7% dân số của tỉnh [1, tr. 75] trong đó, dân tộc Ê đê chiếm 18,7%, dân tộc Nùng chiếm 4,1%, dân tộc Tày là 2,3%, dân tộc Mông là 2,1% [1, tr. 75]. Song tỷ lệ các dân tộc phân bố không đều ở các đơn vị hành chính cấp huyện, một số huyện có tỷ lệ đồng bào DTTS chiếm trên 40% dân số như Lắk (66,22%), Buôn Đôn (66,12%), Krông Bông (47,47%), M'Đrắk (42,64%), Krông Ana (41,97%), Cư M'gar (41,43%), Krông Năng (41,24%) [6, tr. 212]...

Như vậy, Đắk Lắk là tỉnh có tỷ lệ DTTS chiếm số lượng khá đông trong dân cư và có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Chính vì vậy, các thế lực thù địch trong và ngoài nước luôn ra sức kích động tư tưởng dân tộc hẹp hòi, tư tưởng ly khai dân tộc, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phá hoại sự đoàn kết thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Theo đó, thời gian qua, tỉnh Đắk Lắk đã chú trọng thực hiện có hiệu quả chính sách dân tộc của Đảng, nhằm phát triển kinh tế - xã hội nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; tuy nhiên bên cạnh những kết quả quan trọng vẫn còn tồn tại những hạn chế cần khắc phục. Bài viết này, vì vậy tập trung giải quyết 3 vấn đề: (i) Quá trình thực hiện chính sách dân tộc ở tỉnh Đắk Lắk; (ii) Những kết quả đạt được; (iii) Một số hạn chế trong việc thực hiện chính sách dân tộc tại tỉnh Đắk Lắk.

## **2. NỘI DUNG**

### **2.1. Thực hiện chính sách dân tộc ở tỉnh Đắk Lắk**

Khi chia tách thành 2 tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông theo Nghị quyết số 22/2003/QH ngày 26/11/2003 của Quốc hội khóa XI, đời sống đồng bào DTTS gặp rất nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ đói nghèo chiếm 30%, trình độ dân trí thấp, áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất và đời sống còn chậm, hiệu quả thấp, phương thức canh tác phần lớn còn thủ công...

Nhận thức được những hạn chế đó, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ 4 (lâm thời) đã xây dựng Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 17/11/2004 về *“Phát triển kinh tế - xã hội buôn, thôn đồng bào DTTS đến năm 2010”* với phương hướng chung là *“Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội buôn, thôn đồng bào DTTS tại chỗ, phải gắn với định canh, định cư, xoá đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần trong đồng bào các DTTS tại chỗ”* [6, tr.212]. Theo đó, nhiều Nghị quyết, chương trình của Tỉnh ủy được ban hành: Ban Thường vụ Tỉnh ủy còn có Công văn số 75-CV/TU, ngày 22/3/2004 phân công các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp kết nghĩa với các buôn đồng bào DTTS; Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 14/01/2005 về lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ DTTS đến năm 2010; Chương trình số 09-CTr/TU ngày 07/11/2006 của Tỉnh ủy về giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010. Đến năm 2011, có Kết luận số 19-KL/TU, ngày 27/2/2011 tiếp tục thực hiện chương trình phát triển kinh tế thôn, buôn đồng bào DTTS tại chỗ giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020;... Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh cũng có những Nghị quyết, Chương trình, Quyết định thực hiện những chính sách cụ thể đối với đồng bào DTTS như Quyết định số 1769/QĐ-UBND, ngày 23/9/2005 về bố trí vốn đầu tư trực tiếp cho 13 buôn tại 13 huyện, thành phố để thí điểm các mô hình đầu tư thực hiện chương trình phát triển kinh tế - xã hội buôn, thôn; Chương trình 655/CTr-UBND, ngày 16/2/2012 về phát triển kinh tế - xã hội thôn, buôn vùng đồng

bào DTTS tại chỗ đến năm 2015; Kế hoạch số 5479/KH-UBND, ngày 04/8/2014 triển khai chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020...

Tính từ năm 2003 đến năm 2019, Đắk Lắk đã đề xuất 64 chính sách đối với đồng bào DTTS, trong đó có 4 chính sách do địa phương ban hành [2, tr.5]. Ngoài ra, các huyện, thị, thành phố cũng đã xây dựng Nghị quyết, Chương trình cụ thể cho từng địa phương trong tỉnh; các Sở, ban, ngành cũng ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện theo từng ngành, lĩnh vực được phân công.

## 2.2. Những kết quả đạt được trong việc thực hiện chính sách dân tộc ở tỉnh Đắk Lắk

Với sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, sâu sát của các cấp ủy, các cấp chính quyền, đến nay việc thực hiện chính sách dân tộc tại tỉnh Đắk Lắk đã đạt được nhiều kết quả quan trọng.

### - Về kinh tế - xã hội

Nhận định tình trạng đói nghèo do rất nhiều nguyên nhân khác nhau như thiếu kiến thức làm ăn, thiếu đất sản xuất, thiếu vốn, đông con, thiếu lao động, không có việc làm, mắc các tệ nạn xã hội, lười lao động, gặp rủi ro trong cuộc sống, thiếu vốn làm ăn, thiếu kiến thức và kinh nghiệm sản xuất, tiêu dùng, đông con [3, tr.6], tỉnh Đắk Lắk đã tập trung vào các giải pháp mang tính đột phá như giải quyết đất sản xuất cho đồng bào DTTS và hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã, thôn buôn đặc biệt khó khăn. Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 17/11/2004 của Tỉnh ủy đề ra các giải pháp cụ thể. Theo đó, hàng năm Tỉnh hỗ trợ đầu tư sản xuất mô hình tiên tiến (tối thiểu từ 1- 2 mô hình/xã, quy mô từ 3-5 ha đối với mô hình trồng trọt), có thể đầu tư trong 3 năm về giống, phân bón, vật tư. Tỉnh có phương án giao đất cho mỗi hộ ít nhất được nhận 10 ha trở lên; nhóm hộ, hoặc từng buôn, thôn giao theo khả năng quản lý và số lượng diện tích rừng ở từng vùng với mức khoán hợp lý. Đối với rừng sản xuất được giao khoán ổn định lâu dài. Tỉnh bố trí một phần ngân sách để hỗ trợ cây giống trồng phân tán trong vườn, rẫy. Đối với đất trồng lâm nghiệp sau khi xác định rõ nguồn gốc sẽ giao cho các lâm trường liên kết giao khoán trồng rừng với đồng bào.

Năm 2014, Ủy ban nhân dân tỉnh có Quyết định số 2371/QĐ-UBND ngày 09/10/2014 phê duyệt Đề án thực hiện Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS nghèo và hộ nghèo ở các xã, thôn, buôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo Quyết định số 755/QĐ-TTg. Đối tượng được hỗ trợ là hộ đồng bào DTTS nghèo (kể cả vợ hoặc chồng là người DTTS) và hộ nghèo ở xã, thôn, buôn đặc biệt khó khăn theo tiêu chí hộ nghèo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ, có trong danh sách hộ nghèo đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại thời điểm Quyết định số 755/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành; sinh sống bằng nghề nông, lâm nghiệp chưa có hoặc chưa đủ đất

ở, đất sản xuất theo hạn mức bình quân chung do Ủy ban Nhân dân tỉnh quy định, có khó khăn về nước sinh hoạt; chưa được hưởng các chính sách của Nhà nước hỗ trợ về đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt. Đến năm 2019, tỉnh đã giải quyết đất sản xuất cho 7.737 hộ với 2.771 ha, đạt 100% [10, tr. 9].

Với các chương trình hỗ trợ vốn vay như: chương trình cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn; Chương trình cho vay giải quyết việc làm... Tỉnh đã giải quyết cho 507.186 lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách vay vốn với số tiền cho vay 8.011.494 triệu đồng. Hỗ trợ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư cho 25.397 người DTTS thuộc hộ nghèo. Lập 03 dự án định canh định cư cho 492 hộ theo chính sách hỗ trợ di dân định canh định cư theo Quyết định 33/2007/QĐ-TTg. Ngoài ra, tỉnh còn lập 02 dự án định canh định cư tập trung cho 483 hộ; cho 2.792 hộ DTTS đặc biệt khó khăn vay vốn theo Quyết định 54/2012/QĐ-TTg; hỗ trợ trực tiếp 163.327,237 triệu đồng cho 409.585 hộ, 1.780.120 khẩu theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg về hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn [3, tr.4]. Cùng với hỗ trợ vốn sản xuất, dự án khuyến nông - lâm - ngư hỗ trợ bò cho các hộ nghèo, hướng dẫn nuôi trồng thủy sản, hỗ trợ nông cụ, và mở các lớp dạy nghề chăn nuôi gà, heo, bò, trồng và chăm sóc cây cà phê, tiêu...

Trên lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng, từ năm 2010 đến 2019, tỉnh đã huy động 22.729 tỷ đồng vốn đầu tư cho khu vực biên giới, vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào DTTS đặc biệt khó khăn. Trong giai đoạn 2011 - 2015 đã xây dựng được 640 công trình hạ tầng thiết yếu; duy tu, bảo dưỡng được 72 công trình hạ tầng [3, tr. 5]. Đặc biệt, với cơ sở hạ tầng các xã, thôn, buôn đặc biệt khó khăn, đến nay đã có 95,65% số xã có đường ô tô đến trung tâm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, 82,10% số thôn, buôn đã có trục đường giao thông được cứng hóa; 90% hộ gia đình được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, các công trình thủy lợi nhỏ đáp ứng 75% nhu cầu tưới tiêu cho diện tích cây trồng hằng năm [8, tr.7].

Với việc triển khai thực hiện các chính sách, chương trình, dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên, đời sống đồng bào DTTS được cải thiện rõ rệt. Vấn đề đất sản xuất đã được giải quyết cơ bản. Vùng DTTS không còn hộ đói, tỷ lệ hộ nghèo người DTTS giảm từ 37,17% năm 2003 xuống còn 29,83% năm 2019 [3, tr. 9]. Khoảng cách mức sống giữa các dân tộc thu hẹp. Tỉnh còn thực hiện chính sách hỗ trợ di dân, từ năm 2013 đến năm 2020 tỉnh triển khai thực hiện 13 dự án bố trí cho 4.402 hộ dân di cư tự do, phần lớn là đồng bào dân tộc Mông tại các huyện Ea Súp, Krông Bông, Lắk, Cư M'gar, M'Drăk. Kinh phí sự nghiệp hỗ trợ di dời các hộ dân trong năm 2020 là 7.673 triệu [8, tr.6].

Trên lĩnh vực giáo dục, Hội đồng nhân dân tỉnh có Nghị quyết số 94/2013/NQ-HĐND, ngày 19/7/2013 về việc Quy hoạch và phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2011 - 2020, định hướng đến 2025, trong đó có nội dung phát triển hệ

thống trường phổ thông dân tộc bán trú và Nghị quyết số 127/2014/NQ-HĐND, ngày 18/7/2014 quy định một số nội dung chi, mức chi hỗ trợ giáo dục mầm non 5 tuổi, xóa mù chữ và chống tái mù chữ, duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh. Kết quả triển khai thực hiện, đến năm 2009 tỉnh đã hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục trung học cơ sở; chất lượng và hiệu quả giáo dục, đào tạo hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú được nâng cao; tất cả các xã đều có mạng lưới trường mầm non, phổ thông, trung tâm học tập cộng đồng. Việc dạy và học tiếng dân tộc được đẩy mạnh. Hội đồng nhân dân tỉnh có Nghị quyết về việc dạy tiếng Ê Đê trong trường tiểu học và trung học cơ sở và đã áp dụng chương trình sách giáo khoa tiếng Ê Đê cấp tiểu học, sau đó tiếp tục thực hiện dạy ở cấp trung học cơ sở; đến năm 2007 thí điểm dạy tiếng Mnông trong trường tiểu học. Tỉnh cũng có chính sách hỗ trợ cho học sinh DTTS theo Quyết định số 12/QĐ-TTg, ngày 24/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ, và chế độ đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo Nghị định số 116/NĐ-CP, ngày 24/12/2010 của Chính phủ; thực hiện tốt chính sách ưu tiên cử tuyển dành cho học sinh người DTTS vào học tại các trường đại học và cao đẳng theo Nghị định số 134/2006/NĐ-CP, ngày 14/11/2006 của Chính phủ. Hằng năm tỉnh hỗ trợ học bổng và chi phí học tập cho 70 đến 100 sinh viên người DTTS với tổng kinh phí chi trả gần 1 tỷ đồng/1 năm. Ngoài ra, học sinh, sinh viên người DTTS tại các trường công lập được hưởng trợ cấp xã hội 140.000đ/1 người/1 tháng; học sinh học trường phổ thông dân tộc nội trú, trường Dự bị đại học được hưởng các chế độ hỗ trợ khác như miễn các lệ phí thi, tuyển sinh, hỗ trợ tiền tàu xe, tiền điện nước, bảo hiểm y tế, v.v [8, tr.11]...

Bên cạnh đó công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ người DTTS, nhất là cán bộ nguồn được Tỉnh ủy đặc biệt quan tâm từ sau khi tách lập tỉnh. Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 14/01/2005 xác định đây là nhiệm vụ thường xuyên, và “Công tác cán bộ DTTS, phải vừa coi trọng việc đào tạo nguồn, tuyển dụng từ con em cán bộ và gia đình cách mạng là người DTTS, vừa coi trọng công tác quản lý, quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng cán bộ DTTS đương chức. Nhằm đảm bảo tính kế thừa, chuyển tiếp vững vàng, liên tục của đội ngũ cán bộ DTTS ở các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị, trong đó phải coi trọng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý là người DTTS”. Nghị quyết cũng xác định quan điểm: “Vừa xây dựng đội ngũ cán bộ DTTS; vừa quan tâm nâng cao dân trí và đào tạo tay nghề cho người lao động là đồng bào DTTS, nhất là tầng lớp thanh thiếu niên; gắn với giải quyết việc làm, coi đây là một trong những cách tạo nguồn cán bộ DTTS lâu dài” [7, tr.4]. Tỉnh có chính sách hỗ trợ, ưu đãi hàng tháng từ nguồn ngân sách cho đào tạo sau đại học; điều động, luân chuyển đối với cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh, trong đó có cán bộ người DTTS [11, tr.7], như căn cứ vào mức lương cơ sở để hỗ trợ tiền một lần cho trường hợp luân chuyển từ tỉnh về huyện, từ huyện lên tỉnh, từ huyện về xã và

sang huyện khác được hưởng bằng 10 lần; từ xã lên huyện và sang xã khác được hưởng bằng 5 lần; mỗi tháng được hỗ trợ tiền xăng xe đi lại bằng tiền thêm  $\frac{1}{2}$  lần; được hỗ trợ tiền thuê nhà mỗi tháng bằng  $\frac{1}{2}$  lần trong trường hợp không được cơ quan, đơn vị, địa phương bố trí nơi ở. Chính sách hỗ trợ này được thực hiện trong suốt thời gian luân chuyển. Đồng thời, tỉnh rất quan tâm phát triển nguồn nhân lực các DTTS trên địa bàn tỉnh. Với các chính sách trên, đội ngũ cán bộ người DTTS của tỉnh đã tăng lên về số lượng, được đào tạo cơ bản về chuyên môn nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị, quản lý nhà nước, nhất là đối với đội ngũ lãnh đạo chủ chốt từ tỉnh, thành phố và cấp huyện. Nhờ đó, đội ngũ cán bộ người DTTS ngày càng đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ. Tính đến năm 2020, số cán bộ công chức là người DTTS làm việc trong các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện là 318/2.774 người, chiếm 11,5% trong tổng số cán bộ, công chức; cán bộ, công chức cấp xã là người DTTS 744/4.142 người, chiếm 17,96% tổng số cán bộ, công chức [8, tr. 12].

Người có uy tín của tỉnh Đắk Lắk được bình chọn qua các năm (2015 - 2020) với số lượng tương đối lớn, hàng năm giao động từ 1.015 đến 1.020 người [9, tr. 11]. Các chính sách đối với người có uy tín được triển khai đồng bộ như cung cấp thông tin định kỳ và đột xuất; hỗ trợ vật chất, động viên tinh thần; khen thưởng hàng năm.

Trên lĩnh vực y tế, công tác chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho nhân dân được chú trọng đầu tư về trang thiết bị, bố trí đội ngũ bác sỹ, y sỹ có tay nghề về công tác tại các trạm y tế xã; thực hiện công tác khám chữa bệnh cho đồng bào ở các thôn, buôn. Đến nay, 15/15 huyện có bệnh viện; 184 xã, phường, thị trấn có trạm y tế, có bác sỹ phục vụ; 100% thôn, buôn có nhân viên y tế; 100% đồng bào DTTS là hộ nghèo được cấp bảo hiểm y tế; 100% xã đạt tiêu chí quốc gia giai đoạn đến năm 2020. Các dịch bệnh trong vùng đồng bào DTTS được kiểm soát và kiểm chế, dập tắt khi mới phát sinh. Công tác tuyên truyền về dân số - kế hoạch hóa gia đình; giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống và hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới trong vùng DTTS được đẩy mạnh.

Trên lĩnh vực an ninh quốc phòng, an ninh nhân dân tỉnh luôn quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, chiến sỹ người DTTS; tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho già làng, trưởng họ, trưởng tộc. Hằng năm làm tốt công tác tuyển quân, tuyển sinh, cử tuyển quân sự, gọi nhập ngũ đối với công dân người DTTS; bố trí dân cư ở khu vực biên giới. Công tác tuyên truyền để nhân dân nâng cao cảnh giác cách mạng đối với những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch được đẩy mạnh; công tác tôn giáo được thực hiện tốt, nhờ đó hoạt động của các tôn giáo trên địa bàn được ổn định, tuân thủ pháp luật. Một trong những giải pháp phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo đảm bảo quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị vùng DTTS được Tỉnh ủy triển khai ngay sau khi chia tách tỉnh là đẩy mạnh công tác tổ chức các cơ quan, đơn vị kết nghĩa với các buôn, thôn đồng bào DTTS, nhằm giúp

cho các buôn, thôn đồng bào DTTS sớm ổn định tình hình và phát triển toàn diện về mọi mặt, khi có tình hình an ninh phức tạp sẽ cùng với cấp ủy, chính quyền địa phương tập trung xử lý [4, tr.3].

- Về văn hóa

Trên lĩnh vực văn hóa, tỉnh tập trung vào việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc. Ủy ban nhân dân tỉnh có Quyết định số 2590/QĐ-UBND, ngày 09/11/2012 ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án bảo tồn, phát triển văn hóa các DTTS Việt Nam đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 3156/QĐ-UBND, ngày 29/12/2014 phê duyệt Quy hoạch phát triển văn hóa tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND, ngày 30/8/2016 về bảo tồn, phát huy văn hóa cộng đồng tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2016 - 2020. Các hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa các DTTS được đẩy mạnh như truyền dạy cách đánh cồng chiêng, chỉnh chiêng, chế tác nhạc cụ tre nứa, gõ đá... Đến nay, toàn tỉnh có 2.098 bộ chiêng, sưu tầm, nghiên cứu trên 50 loại nhạc cụ dân tộc Ê Đê, Mnông. Ngoài ra còn phục chế trên 20 loại nhạc cụ khác nhau, sưu tầm và thống kê một bản danh mục 70 sử thi Ê Đê, 145 sử thi Mnông, trên 20 truyện cổ và trên 10.000 trang lời nói vần trong ca dao, dân ca cùng với 3.000 trang nội dung điều trong luật tục Ê Đê, Mnông. Từ năm 2016 đến năm 2020, đã cấp 358 bộ trang phục truyền thống của người Ê Đê, Mnông, Gia Rai cho các đội chiêng, đội văn nghệ ở các buôn; cấp 26 bộ chiêng các loại cho những Đội chiêng có nhiều thành tích tiêu biểu ở các buôn, v.v [9, tr.10]... Các lễ hội truyền thống tiêu biểu như lễ cúng vào nhà mới, lễ cúng trưởng thành, lễ cúng đặt tên thối tai cho trẻ sơ sinh, lễ cúng sức khỏe, cúng mừng mùa của đồng bào dân tộc Xê Đăng; lễ hội lồng tồng của các dân tộc Tày, Nùng, lễ tung còn của dân tộc Thái, lễ hội đua voi ở Bản Đôn... được phục dựng. Giao lưu văn hóa giữa các dân tộc được tổ chức hàng năm. Đến cuối năm 2019 đã có 585/608 buôn làng được đầu tư xây dựng Nhà văn hóa cộng đồng với số tiền lên đến hàng chục tỷ đồng. Báo Thông tin Đắk Lắk (song ngữ Việt - Ê Đê) và bản tin ảnh Dân tộc và miền núi được dịch ra tiếng Ê Đê với số lượng 4000 cuốn/ số/tháng; Sử thi các dân tộc Tây Nguyên được phát hành rộng rãi đến tận thôn, buôn. Tất cả các xã đều có hệ thống loa truyền thanh không dây tiếp sóng Đài Tiếng nói Việt Nam và Đài Phát thanh tỉnh, Đài Truyền thanh huyện. Công tác tuyên truyền vận động đồng bào các DTTS xây dựng nếp sống văn hóa ở khu dân cư được quan tâm [3, tr.11]...

### 2.3. Một số hạn chế trong việc thực hiện chính sách dân tộc tại tỉnh Đắk Lắk

Nhìn lại quá trình thực hiện chính sách dân tộc tại tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2003-2020, hệ thống chính sách trong vùng đồng bào DTTS đã có nhiều ưu điểm so với giai đoạn trước, tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế, khiếm khuyết. Trước hết, cần phải chỉ ra rằng: một số chính sách còn mang tính nhiệm kỳ, thời gian thực hiện ngắn, thiếu tính chiến lược lâu dài. Trình tự thủ tục xây dựng và phê duyệt một số đề án chương trình,

chính sách mất nhiều thời gian nên khi chính sách được ban hành thì thời gian thực hiện còn lại rất ngắn, không đảm bảo cho việc triển khai thực hiện. Một số chính sách còn chông chéo về đối tượng, địa bàn thụ hưởng. Hầu hết các chính sách đều mang tính hỗ trợ, chính sách đầu tư chưa đáp ứng được yêu cầu cơ bản, do vậy hiệu quả của chính sách chưa thật sự bền vững.

*Hai là*, nhiều chính sách khi hết hiệu lực nhưng các mục tiêu không đạt do nguồn vốn Trung ương cấp không đủ, không bảo đảm cho việc thực hiện như: chính sách theo Quyết định 33, 1592... các chính sách đã phải kéo dài thời gian thực hiện dẫn đến định mức không còn phù hợp với thực tế. Bên cạnh đó, việc xây dựng một số chính sách chưa thật sự dựa trên cơ sở khoa học, thiếu điều tra thực tế, không phù hợp với địa bàn vùng dân tộc và miền núi. Có chính sách định mức hỗ trợ thấp không thực hiện được hoặc kém hiệu quả nhưng chậm được sửa đổi bổ sung như chính sách theo Quyết định 102, 1592, 33...

*Ba là*, việc tổ chức thực hiện các chính sách còn nhiều yếu kém, có chính sách chậm ban hành văn bản hướng dẫn; việc phân công chủ trì, chỉ đạo, tổ chức thực hiện một số chính sách chưa hợp lý; công tác phối hợp giữa các bộ ngành về lĩnh vực liên quan chưa chặt chẽ. Việc lồng ghép các chương trình, chính sách trên địa bàn vùng dân tộc còn bất cập. Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện chính sách ở một số địa phương còn lúng túng. Việc lập kế hoạch, rà soát đối tượng thụ hưởng chưa sát với thực tế dẫn đến việc rà soát lại nhiều lần gây ảnh hưởng đến thời gian thực hiện và hiệu quả chính sách không cao. Công tác kiểm tra, giám sát, chỉ đạo và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương chưa được thường xuyên.

*Bốn là*, hệ thống chính trị cơ sở còn nhiều vấn đề bất cập, hạn chế: Nhiều buôn làng có chi bộ, tổ đảng nhưng chất lượng sinh hoạt thấp, nặng về hình thức, vai trò nòng cốt của đảng viên chưa cao. Trình độ, năng lực thực tiễn của một bộ phận cán bộ, đảng viên còn hạn chế và chưa đồng đều. Cán bộ chuyên trách cấp xã chưa qua các chương trình đào tạo còn nhiều (khoảng 62%). Công tác quy hoạch, tạo nguồn, sử dụng đội ngũ cán bộ người DTTS nhiều nơi vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu trước mắt và xây dựng đội ngũ kế cận lâu dài.

*Năm là*, công tác quy hoạch, tạo nguồn, bố trí và sử dụng cán bộ cơ sở của tỉnh Đắk Lắk hơn 10 năm qua đã góp phần khắc phục tình trạng thiếu hụt cán bộ và công chức xã, từng bước dần chuẩn hóa đội ngũ cán bộ công chức xã, phát huy được năng lực, sở trường hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, công tác quy hoạch, tạo nguồn và bố trí sử dụng cán bộ cơ sở vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội của địa phương; đặc biệt vấn đề tạo nguồn cán bộ, công chức là người DTTS vẫn còn nhiều khó khăn.



Ngoài ra, trình độ dân trí, chất lượng nguồn lực ở đồng bào DTTS ở tỉnh Đắk Lắk nhìn chung còn thấp, số người có đủ trình độ văn hoá làm việc trong bộ máy chính quyền các cấp và có đào tạo về lý luận chính trị để làm nguồn tuyển dụng cán bộ các cấp còn thiếu hụt. Trước hết, do đa số người DTTS sinh sống ở khu vực biên giới, vùng đặc biệt khó khăn, vùng thường xảy ra thiên tai nên điều kiện sống khó khăn, tỉ lệ hộ nghèo cao, chế độ dinh dưỡng, khả năng tiếp cận với các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, đào tạo còn nhiều hạn chế, tồn tại một số phong tục, tập quán lạc hậu...

### 3. KẾT LUẬN

Trong những năm qua, tỉnh Đắk Lắk đã có những nỗ lực to lớn trong việc thực hiện tốt chính sách dân tộc đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là những vùng đang gặp rất nhiều khó khăn với nhiều giải pháp toàn diện và đồng bộ. Nhờ vậy, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân vùng DTTS được nâng lên; truyền thống đoàn kết, hỗ trợ lẫn nhau được gìn giữ, phát huy; thực hiện tốt hương ước, quy ước ở các khu dân cư; xóa bỏ dần những tập tục lạc hậu, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc. Hệ thống chính trị ở cơ sở tiếp tục được xây dựng, củng cố; dân chủ được phát huy; quốc phòng, an ninh được giữ vững; khối đại đoàn kết toàn dân được tăng cường; các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, công tác an sinh xã hội có nhiều khởi sắc... Qua đó, đã góp phần thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với vùng đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh. Sự nỗ lực đó còn gặp rất nhiều khó khăn khách quan và chủ quan, nhất là sự cản trở của các thế lực thù địch âm mưu tuyên truyền chống phá, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc giữa các dân tộc thiểu số ở Đắk Lắk song những thành tựu đạt được là quan trọng và có ý nghĩa thực tiễn. Từ những kết quả đạt được đó, tỉnh Đắk Lắk tiếp tục xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số nói chung./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Tổng cục Thống kê (2019), *Số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
- [2]. Tỉnh ủy Đắk Lắk (2019): *Biểu thống kê đề xuất chính sách đối với vùng DTTS và miền núi, và biểu thống kê các chính sách dân tộc do địa phương ban hành (ngoài chính sách của Trung ương)*.
- [3]. Tỉnh ủy Đắk Lắk (2019): *Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng gắn với Kết luận số 57-KL/TW ngày 03/11/2009 của Bộ Chính trị về công tác dân tộc*.
- [4]. Tỉnh ủy Đắk Lắk (2004): *Công văn số 75-CV/TU, ngày 22/3/2004 về việc phân công các cơ quan, đơn vị kết nghĩa với các buôn đồng bào DTTS*.
- [5]. Tỉnh ủy Đắk Lắk (2006): *Chương trình giảm nghèo giai đoạn 2006-2010 (số 09-CTr/TU), ngày 07/11/2006*.
- [6]. Tỉnh ủy – Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2015): *Địa chí Đắk Lắk. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr212*.
- [7]. Tỉnh ủy Đắk Lắk (2005): *Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 14/01/2005 Về lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ người DTTS từ nay đến năm 2010*.
- [8]. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2021): *Báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 05/2011/NĐ-CP, ngày 14/11/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc từ năm 2016 đến nay, số 195/BC-UBND, ngày 29/7/2021*.
- [9]. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2020): *Báo cáo kết quả thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020*.
- [10]. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2014): *Quyết định số 2371/QĐ-UBND, ngày 09/10/2014 Phê duyệt đề án hỗ trợ đất ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS nghèo và hộ nghèo ở các xã, thôn, buôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 755/QĐ-TTg, ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ*.
- [11]. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2016): *Quyết định về việc quy định chi tiết thực hiện Nghị quyết số 143/NQ-HĐND, ngày 23/12/2014 của hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học; điều động, luân chuyển đối với cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Đắk Lắk*.

## IMPLEMENTATION OF ETHNIC POLICY IN DAK LAK PROVINCE – ACHIEVEMENTS AND LIMITATIONS

**Van Nam Thang**

University of Sciences, Hue University

Email: vannamthang999@gmail.com

### ABSTRACT

Dak Lak is a province with a large proportion of ethnic minorities and plays a particularly important role in socio-economic development. In recent years, spanning from 2003 (the year of provincial separation) to 2022, Dak Lak province has diligently prioritized the effective implementation the ethnic policies aiming at fostering socio-economic development to improve the physical and spiritual quality of life for its residents. However, besides the results achieved, there are still limitations that need to be overcome. In order to clarify the current situation and propose solutions in the implementation of ethnic policies in Dak Lak province, this study focuses on addressing 3 key aspects: (i) Implementation of ethnic policies in Dak Lak province; (ii) The accomplishments; (iii) Some restrictions on the implementation of ethnic policies in Dak Lak province.

**Keywords:** Ethnic policy, ethnic minority policies, Dak Lak province.



**Văn Nam Thắng** sinh ngày 01/12/1978 tại Nghệ An. Ông tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Lịch sử tại trường Đại học Vinh năm 2001, tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam năm 2006 tại trường Đại học Vinh. Ông công tác tại Học viện Chính trị khu vực III, Học viện Quốc gia Hồ Chí Minh từ năm 2008.

*Lĩnh vực nghiên cứu:* Lịch sử, Dân tộc học và Tôn giáo học.

